xiě zuò

写作

Verb · writing; pen and ink; penmanship

Example Sentences

wǒ xǐ huān xiě zuò
我喜欢写作。

I like writing.

tā měi tiān huā sān gè xiǎo shí liàn xí xiě zuò
他每天花三个小时练习写作。

He spends three hours every day practicing writing.

jǐn guǎn gōng zuò fán máng tā réng jiān chí zài shēn yè jìn xíng xiě zuò
尽管工作繁忙，他仍坚持在深夜进行写作。

Despite being busy with work, he still insists on writing late at night.

Trace each character, then write the word on your own.

写 写 写 写 写 写 写 写

作 作 作 作 作 作 作 作 作 作